

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Cung cấp sinh phẩm, vật tư tiêu hao cho hoạt động xét nghiệm

Kính gửi: Các công ty quan tâm

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có kế hoạch về việc mua sắm sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ hoạt động xét nghiệm;

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch dự toán mua sắm, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh mời các công ty quan tâm tham gia báo giá nội dung như sau:

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBc	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B (anti-HBc) trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: huyết tương người đã vô i hóa và chất nhuộm. Mẫu chuẩn có phản ứng với anti-HBc - Quy cách đóng gói: hộp/1 x 3 ml	1x3mL/hộp	Hộp	23	
2	Dung dịch kiểm chứng Anti-HBc	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B (anti-HBc) trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: Control - thành phần là huyết tương người đã vô i hóa; Control + thành phần là huyết tương người đã vô i hóa và chất nhuộm, và có phản ứng với anti-HBc - Quy cách đóng gói: hộp/2 x 8 ml	2x8mL/hộp	Hộp	35	
3	Hóa chất xét nghiệm Anti-HBc	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B (anti-HBc) trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: Microparticle (Kháng nguyên lõi virus viêm gan B (E. coli, tái tổ hợp) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm TRIS. Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn. Chất bảo quản: ProClin 950 và sodium	200 test/hộp	Hộp	50	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>azide); Conjugate (Chất kết hợp anti-human có đánh dấu murine acridinium trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein. Nồng độ tối thiểu: 0.04 µg/mL. Chất bảo quản: sodium alkyl paraben và sodium azide); Assay diluent (Chất ổn định protein murine trong đệm MOPSO. Chất bảo quản: ProClin 950 và sodium azide); Specimen diluent (Chất khử trong đệm MOPSO)</p> <p>- Độ nhạy 100.00% (408/408) với khoảng tin cậy 95% trong khoảng 99.10% đến 100%, với độ nhạy mong đợi 100%.</p> <p>- Độ đặc hiệu đạt 99.85% trên Mẫu hiến máu - Huyết thanh (2621/2625) và đạt 99.88% trên Mẫu hiến máu - Huyết tương (2541/2544)</p> <p>- Quy cách đóng gói: hộp/2 x 100 test</p>				
4	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg định tính	<p>Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <p>- Thành phần: Cal 1 có HBsAg người được tinh sạch dạng bất hoạt (nhóm phụ ad) trong dung dịch đệm phosphate với huyết tương người và chất ổn định protein (albumin huyết thanh bò); Cal 2 có thành phần huyết tương người đã vô i hóa.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp/2 lọ x 3 mL</p>	2x3mL/hộp	Hộp	23	
5	Dung dịch kiểm chứng HBsAg định tính	<p>Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <p>- Thành phần: HBsAg người được tinh sạch dạng bất hoạt (nhóm phụ ad/ay) trong dung dịch đệm phosphate với huyết tương người và chất ổn định protein (albumin huyết thanh bò).</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 8 mL</p>	2x8mL/hộp	Hộp	35	
6	Hóa chất xét nghiệm HBsAg định tính	<p>Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <p>- Thành phần: microparticle (Anti-HBs (chuột, kháng thể đơn dòng, IgM, IgG)</p>	200 test/hộp	Hộp	50	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>phủ trên vi hạt trong đệm MES với chất ổn định protein (albumin huyết thanh bò)) Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn; conjugate (Chất kết hợp Anti-HBs (chuột, kháng thể đơn dòng IgG) và anti-HBs (dê, IgG) có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm phosphate với huyết tương người và chất ổn định protein (albumin huyết thanh bò, huyết thanh thai bò, IgG dê, IgG chuột)) Nồng độ tối thiểu: 0.35 µg/mL; ancillary wash buffer (Đệm rửa phụ có - Thành phần đệm MES). - Độ nhạy toàn phần của xét nghiệm là 100% (496/496) với độ tin cậy 95%. - Độ đặc hiệu đạt 99.96% tại khoảng tin cậy 95% trên mẫu hiến máu (5108/5110) và 100% tại khoảng tin cậy 95% trên mẫu chẩn đoán (216/216) - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test</p>				
7	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBs	<p>Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần được chuẩn bị trong huyết tương người đã vô i hóa. - Quy cách đóng gói: Hộp/6 x 3 mL</p>	6x3mL/hộp	Hộp	23	
8	Dung dịch kiểm chứng Anti-HBs	<p>Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần được chuẩn bị trong huyết tương người đã vô i hóa. - Quy cách đóng gói: Hộp/3 x 8 mL</p>	3x8mL/hộp	Hộp	35	
9	Hóa chất xét nghiệm Anti-HBs	<p>Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): 2.00 mIU/mL (IU/L) - Ngưỡng phát hiện (LOD): 0.77 mIU/mL (IU/L) - Thành phần: Microparticle (Kháng nguyên bề mặt viêm gan B (nhóm phụ ad và ay) (E. coli DNA tái tổ hợp biểu hiện</p>	200 test/hộp	Hộp	50	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>trong tế bào của chuột) phủ trên vi hạt trong đệm TRIS với chất ổn định protein (tử bò)) Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn; Conjugate (Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (Nhóm phụ ad và ay) (DNA tái tổ hợp của E. coli biểu hiện trong tế bào murine) đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (tử bò và huyết tương người) Nồng độ tối thiểu: 0.13 µg/mL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy đạt 96.13% trên mẫu Người tiêm vaccin HBV và 100.00% trên mẫu Nhiễm HBV tự nhiên - Độ đặc hiệu đạt 99.51% trên Mẫu hiến máu - Huyết thanh(202/203) và đạt 100% trên Mẫu hiến máu - Huyết tương - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test 				
10	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgG	<p>Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và bán định lượng các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: huyết tương người đã vô hiệu hóa có phản ứng với anti-CMV IgG. - Quy cách đóng gói: Hộp/6 x 3 mL 	6x3mL/hộp	Hộp	6	
11	Dung dịch kiểm chứng CMV IgG	<p>Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và bán định lượng các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: huyết tương người đã vô hiệu hóa có phản ứng với anti-CMV IgG. - Quy cách đóng gói: Hộp/3 x 8 mL 	3x8mL/hộp	Hộp	8	
12	Hóa chất xét nghiệm CMV IgG	<p>Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và bán định lượng các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng đo (LOQ): 1.1 AU/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): 0.7 AU/mL - Thành phần: microparticle (CMV virus lysate (chủng AD169) phủ trên vi hạt trong dung dịch muối đệm TRIS) Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn; conjugate (Chất đánh dấu acridinium murine anti-human IgG trong dung dịch đệm MES) Nồng độ tối thiểu: 44 ng/mL; assay diluent (Huyết 	200 test/hộp	Hộp	15	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		thanh bò và dung dịch đệm MES). - Độ nhạy đạt 100% với giới hạn tin cậy 97.82% trên mẫu người hiến máu (167/167) - Độ đặc hiệu 99.14% với giới hạn tin cậy 98% trên mẫu người hiến máu (575/580) - Độ nhạy đạt 100% với giới hạn tin cậy 97.66% trên mẫu phụ nữ mang thai (156/156) - Độ đặc hiệu 100% với giới hạn tin cậy 96.48% trên mẫu phụ nữ mang thai (103/103) - Độ nhạy đạt 100% với giới hạn tin cậy 98.11% trên mẫu chẩn đoán/ bệnh nhân nội trú (193/193) - Độ đặc hiệu 98.55% với giới hạn tin cậy 95.82% trên mẫu chẩn đoán/ bệnh nhân nội trú (204/207) - Độ nhạy đạt 100% với giới hạn tin cậy 91.96% trên mẫu nhận cấy ghép (44/44) - Độ đặc hiệu 100% với giới hạn tin cậy 93.62% trên mẫu nhận cấy ghép (56/56) - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test				
13	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgM	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Huyết tương người đã vô i hóa lại có phản ứng với anti- MV IgM. - Quy cách đóng gói: Hộp/1 x 3 mL	1x3mL/hộp	Hộp	6	
14	Dung dịch kiểm chứng CMV IgM	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Huyết tương người đã vô i hóa lại có phản ứng với anti-CMV IgM. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 4 mL	2x4mL/hộp	Hộp	8	
15	Hóa chất định lượng CMV IgM	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng phát hiện ≥ 1.00 Index / S/CO. - Thành phần: microparticle (CMV virus lysate (chủng AD169) và kháng nguyên CMV tái tổ hợp phủ trên vi hạt trong dung	200 test/hộp	Hộp	15	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		dịch muối đệm TRIS) Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn; conjugate (Chất kết hợp có đánh dấu acridinium murine anti-human IgM trong dung dịch đệm MES); assay diluent (Tris buffer và anti-human IgG dê) Nồng độ tối thiểu: 48 ng/mL. - Độ đặc hiệu đạt 99.63% trên Mẫu hiến máu - Huyết thanh(268/269) và đạt 100% trên Mẫu hiến máu - Huyết tương (147/147) - Quy cách đóng gói: Hộp/2x100 test				
16	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgG	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: thành phần huyết tương người (phản ứng với anti-Rubella IgG) và chất ổn định protein (từ cừu) - Quy cách đóng gói: hộp/6 x 3 ml	6x3mL/hộp	Hộp	18	
17	Dung dịch kiểm chứng Rubella IgG	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: Control - có thành phần huyết tương người và chất ổn định protein (từ cừu); Control +1 và +2 có thành phần huyết tương người (có phản ứng với anti-Rubella IgG) với chất ổn định protein (từ cừu) - Quy cách đóng gói: hộp/3 x 8 ml	3x8mL/hộp	Hộp	21	
18	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: Microparticle (Một phần virus rubella đã tinh sạch phủ vi hạt trong dung dịch đệm TRIS với chất bề mặt. Chất bảo quản: sodium azide và ProClin 950); Conjugate (Chất kết hợp kháng IgG người (chuột, đơn dòng) có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm MES có hoạt chất bề mặt và chất ổn định protein (từ bò). Nồng độ tối thiểu: 16 ng/mL. Chất bảo quản: Tác nhân kháng vi sinh vật); Assay diluent (Đệm TRIS với chất bề mặt và chất ổn định protein(từ bò, dê, chuột)	200 test/hộp	Hộp	30	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương đối ban đầu là 98.4% (932/947) (khoảng tin cậy 95%: 97.4% đến 99.1%). - Độ đặc hiệu tương đối ban đầu là 99.0% (191/193) (khoảng tin cậy 95%: 96.3% đến 99.9%). - Quy cách đóng gói: hộp/2 x 100 test 				
19	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgM	<p>Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: huyết tương người đã vô hiệu hóa lại có phản ứng với anti-Rubella IgM - Quy cách đóng gói: hộp/1 x 3 ml 	1x3mL/hộp	Hộp	18	
20	Dung dịch kiểm chứng Rubella IgM	<p>Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: huyết tương người đã vô hiệu hóa lại có phản ứng với anti-Rubella IgM - Quy cách đóng gói: hộp/2 x 4 ml 	2x4mL/hộp	Hộp	21	
21	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	<p>Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Microparticle (Toàn bộ virus Rubella (chủng HPV 77) phủ trên vi hạt trong dung dịch muối đệm TRIS với chất ổn định protein. Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn. Chất bảo quản: ProClin 950 và sodium azide); Conjugate (Chất kết hợp kháng thể chuột kháng IgM người, có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm MES. Nồng độ tối thiểu: 23 ng/mL. Chất bảo quản: ProClin 300 và các tác nhân kháng vi sinh vật); Assay diluent (Đệm citrate); Pre-treatment (kháng thể dê kháng IgG người trong đệm TRIS) - Độ đặc hiệu đạt 99.52% trên Mẫu hiến máu - Huyết thanh (208/209) và đạt 100% trên Mẫu hiến máu - Huyết tương (218/218) - Quy cách đóng gói: hộp/2 x 100 test 	200 test/hộp	Hộp	30	
22	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgG	<p>Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: anti-Toxo IgG trong dung 	6x3mL/hộp	Hộp	6	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		dịch với chất ổn định protein (từ bò). - Quy cách đóng gói: Hộp/6 x 3 mL				
23	Dung dịch kiểm chứng Toxo IgG	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng kháng thể IgG kháng <i>Toxoplasma gondii</i> trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Control - có - Thành phần huyết tương người đã vô hiệu hóa, Control +1 và +2 anti-Toxo IgG trong dung dịch với chất ổn định protein (từ bò). - Quy cách đóng gói: Hộp/3 x 8 mL	3x8mL/hộp	Hộp	8	
24	Hóa chất định lượng Toxo IgG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định lượng kháng thể IgG kháng <i>Toxoplasma gondii</i> trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): 0.2 IU/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): 0.2 IU/mL - Thành phần: microparticle (Kháng nguyên tái tổ hợp <i>Toxoplasma gondii</i> phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (từ bò)) Nồng độ tối thiểu: 0.03% rắn; conjugate (Chất kết hợp gồm kháng thể chuột kháng IgG người có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (từ bò)) Nồng độ tối thiểu: 0.05 µg/mL; assay diluent (dung dịch đệm TRIS với chất ổn định protein (từ bò)). - Độ nhạy tương đối đã phân tích là 99.7% (1096/1099) với độ tin cậy là 95% trong khoảng 99.2% đến 99.9%. - Độ đặc hiệu tương đối đã phân tích là 99.6% (1359/1365) với độ tin cậy là 95% trong khoảng 99.0% đến 99.8%. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test	200 test/hộp	Hộp	15	
25	Dung dịch kiểm chuẩn Toxo IgM	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng <i>Toxoplasma gondii</i> trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần có kháng thể IgM (kháng thể đơn dòng) kháng kháng nguyên anti- <i>Toxoplasma p30</i> trong huyết tương người đã vô hiệu hóa. - Quy cách đóng gói: Hộp/1 x 3 mL	1x3mL/hộp	Hộp	6	
26	Dung dịch kiểm chứng Toxo IgM	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định	2x4mL/hộp	Hộp	8	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>tính kháng thể IgM kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <p>- Thành phần có kháng thể IgM (kháng thể đơn dòng) kháng kháng nguyên anti-Toxoplasma p30 trong huyết tương người đã vô hóa.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 4 mL</p>				
27	Hóa chất xét nghiệm Toxo IgM	<p>Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang phát hiện định tính kháng thể IgM kháng Toxoplasma gondii trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <p>- Ngưỡng phát hiện: 0.60 Index.</p> <p>- Thành phần: microparticle (Kháng thể kháng IgM người (chuột, đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm TRIS (bò và dê) với chất ổn định protein và chất tẩy) Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn; conjugate (Phức hợp chất kết hợp gồm kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên Toxoplasma p30 và loài Toxoplasma gondii ly giải trong dung dịch đệm phosphate có chất ổn định protein (từ bò) và chất tẩy) Nồng độ tối thiểu: 25 µg/mL.</p> <p>- Độ đặc hiệu đạt 100% trên Mẫu hiến máu - Huyết thanh (154/154) và đạt 98.57% trên Mẫu hiến máu - Huyết tương (138/140)</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test</p>	200 test/hộp	Hộp	15	
28	Nước rửa cho máy xét nghiệm miễn dịch	<p>Nước rửa sử dụng trên máy miễn dịch tự động.</p> <p>- Thành phần có sodium azide và 5-Bromo-5 nitro-1,3-dioxane.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp/2 chai x 2 Lít</p>	2x2L/hộp	Hộp	40	
29	Cóng phản ứng	<p>Cóng phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp/4000 công</p>	4000 cái/hộp	Hộp	25	
30	Dung dịch xử lý cho máy xét nghiệm miễn dịch	<p>Dung dịch rửa cho kỹ thuật miễn dịch vi hạt hoá phát quang linh hoạt 2 bước rửa; chứa 1.32% hydrogen peroxide; được sử dụng có máy xét nghiệm miễn dịch tự động.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp/4 chai x 975 mL</p>	4x975mL/hộp	Hộp	31	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	Dung dịch tiền xử lý cho máy xét nghiệm miễn dịch	Chất tiền xử lý sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần có hydrogen peroxide và polyethylene glycol octylphenyl ether. - Quy cách đóng gói: Hộp/4 chai x 975mL	4x975mL/hộp	Hộp	31	
32	Nước rửa kim cho máy xét nghiệm miễn dịch	Nước rửa kim, được sử dụng như một bước trong quy trình bảo dưỡng. Sau khi kim hút mẫu được vệ sinh, sử dụng dung dịch này để bảo vệ kim ngăn không cho các phần không đặc hiệu bám vào kim. - Thành phần: huyết tương người đã vô hiệu hóa; được sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 31.8mL	2x31.8mL/hộp	Hộp	27	
33	Dung dịch kiểm chuẩn SCC	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (squamous cell carcinoma antigen SCC Ag) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: chứa SCC Ag (từ người) được chuẩn bị trong đệm borate với chất ổn định protein (từ bò). - Quy cách đóng gói: Hộp/6 x 3 mL	6 chai x 3 mL/hộp	Hộp	5	
34	Dung dịch kiểm chứng SCC	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (squamous cell carcinoma antigen SCC Ag) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: chứa SCC Ag (từ người) được chuẩn bị trong đệm borate với chất ổn định protein (từ bò). - Quy cách đóng gói: Hộp/3 x 8 mL	3 chai x 8 mL/hộp	Hộp	8	
35	Hóa chất xét nghiệm SCC	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (squamous cell carcinoma antigen SCC Ag) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): 0.1 ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): 0.1 ng/mL - Thành phần: microparticle (Kháng thể kháng kháng nguyên SCC chuột, đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (bò)) Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn; conjugate (Kháng	2x100 test/hộp	Hộp	15	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		thể kháng kháng nguyên SCC có đánh dấu acridinium (đơn dòng, chuột) kết hợp trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (bò))Nồng độ tối thiểu: 0.07 µg/mL. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test				
36	Dung dịch kiểm chuẩn CYFRA 21-1	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần là kháng nguyên từ dòng tế bào người chuẩn bị trong dung dịch chất nền nhân tạo. - Quy cách đóng gói: Hộp/6 x 3 mL	6 chai x 3 mL/hộp	Hộp	5	
37	Dung dịch kiểm chứng CYFRA 21-1	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần chuẩn bị trong dung dịch chất nền nhân tạo và có chứa kháng nguyên dẫn xuất từ dòng tế bào người. - Quy cách đóng gói: Hộp/3 x 8 mL	3 chai x 8 mL/hộp	Hộp	8	
38	Hóa chất xét nghiệm CYFRA 21-1	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): 0.15 ng/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): 0.05 ng/mL - Thành phần: microparticle (Anti-CYFRA 21-1 (chuột, kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm TRIS với chất ổn định protein (từ bò)) Nồng độ tối thiểu: 0.1% rắn; conjugate (Chất kết hợp Anti-CYFRA 21-1 (chuột, kháng thể đơn dòng) có đánh dấu acridinium-trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (từ bò))Nồng độ tối thiểu: 675 ng/mL. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test	2x100 test/hộp	Hộp	15	
39	Dung dịch kiểm chuẩn Syphilis	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương; được chuẩn bị với huyết tương người đã vô hóa; sử dụng cho máy xét nghiệm	1 chai x 3ml/hộp	Hộp	5	

VI
PAS
P. HỒ C

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		miễn dịch tự động. - Quy cách đóng gói: Hộp/1 x 3 mL				
40	Dung dịch kiểm chứng Syphilis	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương; được chuẩn bị với huyết tương người đã vô hóa (đã bất hoạt); có phản ứng với anti-TP; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 8 mL	2 chai x 8ml/hộp	Hộp	23	
41	Hóa chất xét nghiệm Syphilis	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: microparticle (TP (E.coli, tái tổ hợp) kháng nguyên phủ trên vi hạt trong đệm HEPES với chất tẩy), Nồng độ tối thiểu: 0.08% rắn; conjugate (Chất kết hợp murine anti-IgG/anti-IgM đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (bò)); assay diluent (chất đệm MES với chất tẩy). - Độ nhạy được chứng minh 100.00% trong một nghiên cứu thực hiện trên những mẫu đã biết trước kết quả là dương tính thật với số lượng 412 mẫu. - Độ đặc hiệu đạt 99.94% (5116/5119 mẫu tại khoảng tin cậy 95%) - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test	2 x 100 test/hộp	Hộp	40	
42	Dung dịch kiểm chuẩn PIVKA-II	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: các nồng độ PIVKA-II khác nhau có dung dịch đệm phosphate với chất ổn định protein (từ bò). - Quy cách đóng gói: Hộp/6 x 3 mL	6 chai x 3 mL/hộp	Hộp	8	
43	Dung dịch kiểm chứng PIVKA-II	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần có chứa PIVKA-II trong dung dịch đệm phosphate với chất ổn định protein (từ bò). - Quy cách đóng gói: Hộp/3 x 8 mL	3 chai x 8 mL/hộp	Hộp	10	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
44	Hóa chất xét nghiệm PIVKA-II	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PIVKA-II trong huyết thanh hay huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): 7.6 mAU/mL - Ngưỡng phát hiện (LOD): 3.02 mAU/mL - Thành phần: microparticle (Anti-PIVKA-II (chuột, kháng thể đơn dòng) phủ trên vi hạt trong dung dịch đệm Tris-HCl với chất ổn định protein (từ bò)) Nồng độ tối thiểu: 0,025% rắn; conjugate (Anti-prothrombin (chuột, kháng thể đơn dòng) chất kết hợp có đánh dấu acridinium trong dung dịch đệm MES với chất ổn định protein (từ bò)) Nồng độ tối thiểu: 750 ng/mL. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 100 test	2 x 100 test/hộp	Hộp	20	
45	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HCV	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: huyết tương người đã vô hiệu hóa (bị bất hoạt); có phản ứng với anti-HCV. - Quy cách đóng gói: Hộp/1 x 3 mL	1 chai x 3mL/hộp	Hộp	10	
46	Dung dịch kiểm chứng Anti-HCV	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: huyết tương người đã vô hiệu hóa (bị bất hoạt); có phản ứng với anti-HCV. - Quy cách đóng gói: Hộp/2 x 8 mL	2 chai x 8mL/hộp	Hộp	21	
47	Hóa chất xét nghiệm Anti-HCV	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: microparticle (HCV (E. coli, nấm men, tái tổ hợp) vi hạt phủ kháng nguyên trong dung dịch đệm MES) Nồng độ tối thiểu: 0.14% rắn; conjugate (murine anti-IgG/anti-IgM đánh dấu acridinium kết hợp trong dung dịch MES)	2 x 100 test/hộp	Hộp	35	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Nồng độ tối thiểu: (IgG) 8 ng/mL/(IgM) 0.8 ng/mL. - Quy cách đóng gói: Hộp/2x100 test				
48	Dung dịch kiểm chuẩn HBeAg định lượng	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang được dùng để hiệu chuẩn máy phân tích khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương. - Quy cách đóng gói: Hộp/6 x 3 mL	6 chai x 3mL/hộp	Hộp	5	
49	Dung dịch kiểm chứng HBeAg định lượng	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang được sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích hệ thống của máy phân tích khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. - Quy cách đóng gói: Hộp/3 x 8 mL	3 chai x 8mL/hộp	Hộp	12	
50	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và định lượng kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương; sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Ngưỡng đo (LOQ): 0.35 PEI U/mL (IU/mL) - Ngưỡng phát hiện (LOD): 0.05 PEI U/mL (IU/mL) - Thành phần: microparticle (Kháng thể kháng kháng nguyên e virus viêm gan B (chuột đơn dòng) phủ trên bề mặt vi hạt trong dung dịch đệm phosphate với chất ổn định protein (bò)) Nồng độ tối thiểu: 0.08% solids; conjugate (Kháng thể kháng kháng nguyên e virus viêm gan B có đánh dấu acridinium (đơn dòng, chuột) kết hợp trong dung dịch MES với chất ổn định protein (bò)); assay diluent (Dung dịch đệm phosphate với huyết tương người đã hóa vôi lại và chất ổn định protein (bò)). - Quy cách đóng gói: Hộp/2x100 test	2 x 100 test/hộp	Hộp	20	

- Hồ sơ báo giá gồm:
 - + Báo giá theo mẫu phụ lục kèm theo;
 - + Tài liệu liên quan: bao gồm hồ sơ kỹ thuật, các hồ sơ pháp lý của sản phẩm;
- Thời gian nhận báo giá: trước ngày 16/02/2023.

- Hình thức gửi:

+ Bản chính Hồ sơ báo giá được gửi về Bộ phận văn thư – Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM.

+ File mềm được gửi đến địa chỉ email: ptquynhpas@gmail.com


+ Mọi chi tiết xin liên hệ: Bà Phan Thu Quỳnh – Phòng Kế hoạch tổng hợp, số điện thoại 0989.597.584.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT Đinh Xuân Thành (để b/c);
- Trưởng phòng KHTH (để b/c);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTH.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHTH**


VIỆN
PASTEUR
TP. HỒ CHÍ MINH

Phạm Duy Quang



Phụ lục

BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số ...383./PAS-KHTH ngày 09/02/2023 của Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên hàng hóa Viện yêu cầu	Tên thương mại của hàng hóa nhà thầu chào	Mã hàng	ĐVT	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm	Hạn dùng (nếu có)	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền

Ghi chú:

- Hàng mới 100%; [đối với tài sản hàng hóa]
- Thời gian thực hiện: [Ghi rõ thời gian cung ứng, thực hiện]
- Hiệu lực báo giá: [Ghi rõ hiệu lực báo giá]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

[ghi tên, ký tên và đóng dấu]